

Bản án số: 47/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 13-4-2023
“V/v ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Trí

2. Ông Hà Minh Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thúy Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 13 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm tranh chấp vụ án thụ lý số: 218/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2022 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 37/2023/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2023 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 01/2023/TB-TĐTG ngày 22 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị G, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1996 (có mặt);

Địa chỉ: ấp 7C, xã Đ, huyện AB, tỉnh Kiên Giang. Nơi cư trú hiện nay: ấp CG, xã ĐB, huyện AM, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh Phan Văn Đ, sinh ngày 15 tháng 12 năm 1992 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp 7C, xã Đ, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 10/6/2021 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị G trình bày và yêu cầu như sau:

Chị và anh Phan Văn Đ chung sống với nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã DB, huyện AM, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 14/12/2015. Chị và anh Phan Văn Đ không có con chung; về tài sản chung, chị và anh Phan Văn Đ có 01 chiếc xe hiệu YAMAHA Exciter 135, màu: Trắng xanh, biển kiểm soát 68G1-011.92, mua xe củ cách nay 04 năm, giá mua 24.000.000 đồng, người đứng tên đăng ký xe Phan Văn Đ, do chị chạy té bị hư hỏng còn giá trị khoản 4.000.000 đồng, 02 chỉ vàng 24k, loại 9999 và 02 chỉ vàng 18k, khi ly thân anh Phan Văn Đ chia cho chị được sử dụng, toàn quyền định đoạt và giao cho chị mang đi, chỉ tự thỏa thuận phân chia tài sản chung bằng lời nói, không có làm văn bản, khi ly thân chị bị dịch bệnh Covid - 19, chị đã bán điều trị bệnh hết không còn, chị không đồng ý chia theo yêu cầu của anh Phan Văn Đ; về nợ, chị và anh Phan Văn Đ không có nợ người khác, người khác không nợ anh chị. Quá trình chung sống chị và anh Phan Văn Đ sống không hòa hợp, thường xuyên bất hòa cự cãi với nhau, anh Phan Văn Đ không lo làm ăn mà đi chơi, hôn nhân không hạnh phúc. Nay về quan hệ hôn nhân, chị yêu cầu được ly hôn với anh Phan Văn Đ. Về tài sản chung và nợ, chị không yêu cầu giải quyết, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

** Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 10 tháng 11 năm 2022, bị đơn anh Phan Văn Đ trình bày như sau:*

Về thời gian chung sống, kết hôn, con chung như chị Nguyễn Thị G trình bày trên là đúng. Anh và Nguyễn Thị G chung sống năm 2015, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã DB, huyện AM cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 14/12/2015, anh chị chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2021 thì chị Nguyễn Thị G tự ý bỏ về nhà cha mẹ ruột của chị Nguyễn Thị G sống cho đến nay, từ khi chị Nguyễn Thị G bỏ đi anh cũng không liên lạc và yêu cầu chị Nguyễn Thị G về chung sống. Trong thời gian chung sống anh và Nguyễn Thị G không có con chung; về tài sản chung, anh và chị Nguyễn Thị G có 01 chiếc xe hiệu YAMAHA Exciter 135, màu: Trắng xanh, biển kiểm soát 68G1-011.92, mua xe củ cách nay 04 năm, giá mua 24.000.000 đồng, người đứng tên đăng ký xe Phan Văn Đ, hiện nay có giá trị 20.000.000 đồng, 04 chỉ vàng 24k, loại 9999, 03 chỉ vàng 18k và 7.000.000 đồng, khi ly thân chị Nguyễn Thị G mang đi sử dụng đến nay; anh và chị Nguyễn Thị G không có nợ. Nay về quan hệ hôn nhân, anh không đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị G, nếu chị Nguyễn Thị G đồng ý chia các tài sản nếu trên 1/2 thì anh đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị G. Về tài sản chung, anh yêu cầu chị Nguyễn Thị G giao cho anh được sử dụng chiếc xe hiệu YAMAHA Exciter 135, màu: Trắng xanh, biển kiểm soát 68G1-011.92, mua xe củ cách nay 04, giá mua 24.000.000 đồng, người đứng tên đăng ký xe Phan Văn

Đ, 02 chỉ vàng 24k, loại 9999 và 1,5 chỉ vàng 18k, 3.500.000 đồng, anh giao lại cho chị Nguyễn Thị G giá trị phân nửa chiếc xe là 10.000.000 đồng, ngoài ra anh không yêu cầu gì khác.

** Tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án gồm:* Giấy căn cước công dân Nguyễn Thị G (Bản phô tô); Giấy chứng nhận kết hôn Nguyễn Thị G và Phan Văn Đ (Bản chính); Thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư họ, chữ đệm và tên Phan Văn Đ (Bản chính).

** Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị G yêu cầu được ly hôn với anh Phan Văn Đ. Về quan hệ con chung, tài sản chung và nợ không có chị không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung, khi ly thân anh Phan Văn Đ đồng ý giao cho chị sở hữu, sử dụng và chị đã bán trị bệnh Covid - 19 hết khi giãn cách xã hội.

Bị đơn anh Phan Văn Đ vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị G yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Phan Văn Đ. Bị đơn anh Phan Văn Đ cư trú tại ấp 7C, xã Đ, huyện AB, tỉnh Kiên Giang nên xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Phan Văn Đ biết và ấn định thời gian để anh có ý kiến về việc chị Nguyễn Thị G khởi kiện đối với anh thì anh gửi đơn bản trình bày ý kiến không đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị G, yêu cầu chia tài sản chung. Tòa án thông báo cho anh Phan Văn Đ nếu yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản khi ly hôn thì anh phải làm đơn khởi kiện nêu rõ yêu cầu giải quyết cho anh như thế nào, nhưng đến nay anh Phan Văn Đ không làm đơn khởi kiện đối với chị Nguyễn Thị G về chia tài sản khi ly hôn và thực hiện các thủ tục thụ lý yêu cầu của anh Phan Văn Đ như: Tạm ứng án phí về chia tài sản, chi phí tố tụng và các thủ tục tố tụng khác, thẩm định, định giá tài sản chưa thống nhất giá trị tài sản...nên Tòa án không xem xét chia tài sản giữa anh chị trong cùng vụ án này theo quy định tại khoản 1 Điều 5, Điều 70, Điều 72, Điều 156 và Điều 164 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi hoà giải không thành, Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho anh Phan Văn Đ nhưng anh Phan Văn Đ vẫn cố tình vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Đồng thời tại phiên tòa hôm nay, chị Nguyễn Thị G không yêu cầu hoãn phiên tòa. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Phan Văn Đ theo quy định tại khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Xét về quan hệ hôn nhân, chị Nguyễn Thị G và anh Phan Văn Đ chung sống với nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (*Ủy ban nhân dân xã DB, huyện AM, tỉnh Kiên Giang là một trong những nơi anh chị cư trú*) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 163/2015, quyền số: 01/2015 ngày 14/12/2015, anh chị đảm bảo các điều kiện kết hôn khác theo quy định của pháp luật là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét khởi kiện của chị Nguyễn Thị G yêu cầu được ly hôn với anh Phan Văn Đ, thời gian chị và anh Phan Văn Đ chung sống không hòa hợp, thường xuyên bất hòa cự cãi với nhau, anh Phan Văn Đ không lo làm ăn mà đi chơi, hôn nhân không hạnh phúc, chị và anh Phan Văn Đ đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu được ly hôn với anh Phan Văn Đ thì anh Phan Văn Đ không đồng ý ly hôn với Nguyễn Thị G, nếu chị Nguyễn Thị G chia cho anh 1/2 tài sản chung thì anh đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị G, như vậy anh Phan Văn Đ cũng không có tự nguyện chung sống với chị Nguyễn Thị G mà anh chỉ muốn được chia tài sản. Đồng thời anh chị đã sống ly thân với nhau một thời gian dài mà anh chị không có biện pháp để anh chị hàn gắn về chung sống với nhau là vi phạm nghĩa vụ giữa vợ chồng thời gian dài, vợ chồng không chăm sóc, lo lắng lẫn nhau nên hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị G cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh Phan Văn Đ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị G, cho chị Nguyễn Thị G được ly hôn với anh Phan Văn Đ là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung, chị Nguyễn Thị G và anh Phan Văn Đ tự xác định, anh chị không có con chung, anh chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ, chị Nguyễn Thị G và anh Phan Văn Đ không khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung, anh chị tự xác định không có nợ người khác,

người khác không có nợ anh chị nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu nhưng được trừ vào số tiền đã tạm ứng án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, Điều 72, khoản 4 Điều 147, Điều 156, Điều 164, khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 241, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị G được ly hôn với anh Phan Văn Đ.

2. Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị G và anh Phan Văn Đ tự xác định, anh chị không có con chung, anh chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ: Chị Nguyễn Thị G và anh Phan Văn Đ không khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung, anh chị tự xác định không có nợ người khác, người khác không có nợ anh chị nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

4. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0003590 ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Chị Nguyễn Thị G đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 13/4/2023. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- UBND xã DB, AM, Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VP (Kiều).

Trần Văn Thảo